

Số: /BC-TTYT

Tân Lạc, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
Công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng
Tháng 11 năm 2023

I. TÌNH HÌNH BỆNH KÝ SINH TRÙNG

1. Bệnh giun đường ruột (Số lượng/tỷ lệ)

STT	Các đối tượng	Tổng số ca nhiễm	Giun đũa	Giun tóc	Giun Móc	Giun kim	Nhiễm chung
1	Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	0
2	Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi	0	0	0	0	0	0
3	Trẻ từ 60 tháng đến dưới 11 tuổi	0	0	0	0	0	0
4	Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
5	Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi	0	0	0	0	0	0
6	Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)	0	0	0	0	0	0
7	Khác	0	0	0	0	0	0
Tổng số							

2. Bệnh giun (Số lượng/tỷ lệ)

STT	Đối tượng	Sán lá gan nhỏ	Sán lá gan lớn	Sán lá phổi	Sán lá ruột	Sán dây	Ấu trùng sán lợn
1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
Tổng số							

3. Bệnh sán (Số lượng/tỷ lệ)

STT	Đối tượng	Giun đũa chó mèo	Giun lươn	Giun xoắn	Giun đầu gai	KST khác
1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0
2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0

II. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

1. Hoạt động tẩy giun

STT	Các đối tượng tẩy giun tại cộng đồng	Tổng số đối tượng đích	Tổng số đối tượng uống thuốc	Tỷ lệ % uống thuốc	Số có tác dụng không mong muốn nặng	% tác dụng không mong muốn nặng
1	Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
2	Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi	0	0	0	0	0
3	Trẻ từ 60 tháng đến dưới 11 tuổi	8076	8076	100	0	0
4	Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi	0	0	0	0	0
5	Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi	19621	19594	99.9	0	0
6	Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)	0	0	0	0	0
7	Khác	0	0	0	0	0
Tổng số						

2. Hoạt động điều trị bệnh sán lá gan nhỏ tại cộng đồng

STT	Đối tượng	Ngày tháng	Số đối tượng	Số uống thuốc	Tỷ lệ %	Số tác dụng phụ	Tỷ lệ %
1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0	0

3. Điều trị các bệnh ký sinh trùng khác

STT	Đối tượng	Sán lá gan lớn	Sán lá phổi	Sán dây/ ATSL	Giun đũa chó mèo	Giun lươn	Giun xoắn
1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0	0

III. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Hoạt động giáo dục truyền thông

STT	Các hình thức truyền thông	Số lượng/ số lần	Số người tham dự	Nội dung
1	Phân phát tranh treo tường	0	0	0
2	Phân phát tờ rơi	0	0	0
3	Phân phát truyện tranh	0	0	0
4	Băng rôn	0	0	0
5	Phát thanh trên loa đài địa phương	32	32.297	0
6	Nói chuyện chuyên đề	0	0	0
7	Thảo luận nhóm	0	0	0
8	Tập huấn cho y tế tuyến xã	0	0	0
9	Chiếu video	0	0	0

2. Báo cáo sử dụng thuốc

TT	Các loại thuốc sử dụng	Tồn kỳ trước	Lĩnh thêm	Đã sử dụng	Hiện còn	Hạn sử dụng	Nhu cầu kỳ sau
1	<i>Albendazole 400mg</i>	0	0	0	0	0	0
2	<i>Mebendazole 500mg</i>	0	27.741	27.741	0	4/2026	27.800
3	<i>Praziquantel 600mg</i>	0	0	0	0	0	0
4	<i>Thuốc khác</i>	0	0	0	0	0	0

3. Thông tin về môi trường, nhà tiêu, nước sạch

- Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: 17619/20975 hộ, đạt 84,00 % nhà tiêu hợp vệ sinh

- Số hộ có sử dụng nước sạch: 20723/20975 hộ, đạt 98,8 % hộ sử dụng.

- Số hộ sử dụng phân tươi bón cho cây trồng hoặc cho cá ăn: 0 hộ.

Nơi nhận:

- Trung tâm KSBT tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ TT;
- Lưu: VT, khoa KSBT.

GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Mạnh